

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ- ST
Ngày 08/10/2018.
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế
Ông Nguyễn Đăng Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 126/2018/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 07 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXX- ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Y Sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T) Sinh năm 1975

HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B

Hiện đã mất tích. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án lời trình bày của đương sự tại Tòa án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T) kết hôn ngày 04 tháng 09 năm 1995, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị Y về chung sống cùng gia đình anh T ngay, vợ chồng không sống chung cùng gia đình anh mà làm ăn riêng và ở riêng nhà.

Chị Y trình bày: vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, không chịu làm ăn đã bán hết nhà đất, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe còn đánh và đuổi chị đi, nhưng vì thương con nên chị vẫn cố gắng chịu đựng. Từ tháng 9/2012 anh T đã bỏ nhà ra

đi, khi đi không nói gì cho chị và gia đình anh T biết. Sau khi anh T bỏ nhà đi, chị cũng về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay.

Nay vì thời gian anh T bỏ đi đã 6 năm mà không có tin tức gì, Hiện nay anh T ở đâu chị và gia đình anh T cũng không biết. Chị đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành tuyên bố mất tích đối với anh T.

Tại quyết định số 07/2018/QDDT-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành đã Tuyên bố anh Nguyễn Văn T tức Nguyễn Đức T mất tích. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T).

Về con chung: Chị Y và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 10/4/1996 và Nguyễn Thị Q sinh ngày 21/08/2001. Từ khi anh T bỏ đi chị là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến nay. Hiện nay cháu T đã thành niên, có công ăn việc làm ổn định còn cháu Quỳnh khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn chị Y yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: chị xác nhận giữa chị và anh T không có gì.

Về ruộng canh tác: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh T đã mất tích, nếu sau này anh T trở về có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản, công nợ và ruộng canh tác thì anh chị có đơn khởi kiện, Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T) theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ hai. Do vậy Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với Nguyễn Văn T tức Nguyễn Đức T và yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn đã mất tích theo quyết định của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về lệ phí, án phí Tòa án. Tuyên xử;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T).

Về con chung: Cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 10/4/1996 đã thành niên Tạm giao cháu Nguyễn Thị Q sinh ngày 21/08/2001 cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Sau này anh T về các bên có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác .

Về tài sản, công nợ và ruộng canh tác: Tách phần tài sản, công nợ và ruộng canh tác để giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi anh T trở về, các bên có đơn yêu cầu.

Về án phí: Chị Y phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T) kết hôn ngày 04 tháng 09 năm 1995, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh B, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã lâu, nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nói nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do anh không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau. Từ tháng 9 năm 2012 anh đã bỏ nhà ra đi cho tới nay. Chị Y đã đề nghị Toà án nhân dân huyện Thuận Thành tuyên bố anh T mất tích. Chị Y đã đi thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh T theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không thấy tin tức gì của anh T. Toà án nhân dân huyện Thuận Thành ra quyết định số 07/2018/QĐ-DSST ngày 19/06/2018 tuyên bố anh Nguyễn Văn Thắng (tức Nguyễn Đức Thắng) đã mất tích. Nay chị Y cho rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T). HĐXX xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Y là hoàn toàn phù hợp, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị Y và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn Thành sinh ngày 10/4/1996 và Nguyễn Thị Q sinh ngày 21/08/2001. Từ khi anh T bỏ đi chị Y vẫn chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến nay. Hiện nay cháu T đã thành niên, có công ăn việc làm ổn định, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Qua nghe nguyện vọng của cháu Q muốn tiếp tục được ở với chị Y. Ly hôn chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T đã mất tích do vậy chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị Y tạm giao cháu Quỳnh cho chị Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, riêng, công nợ và ruộng canh tác: Do không có lời khai của anh T về phần tài sản, công nợ, ruộng canh tác vì vậy cần tách ra khi nào các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[2] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T (tức Nguyễn Đức T).
2. Về con chung: Cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 10/4/1996 đã thành niên tạm giao cháu Nguyễn Thị Q sinh ngày 21/08/2001 cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Sau này anh T về các bên có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.
3. Về tài sản, công nợ và ruộng canh tác: Tách phần tài sản, công nợ và ruộng canh tác để giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi anh T trở về, các bên có đơn yêu cầu.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào khoản tiền chị Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu số 01361 ngày 27/07/2018.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết kết quả bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Quang Hòa

Nội nhĩn:

- *TAND tŔnh B^{3/4}c Ninh;*
- *VKSND TP B^{3/4}c Ninh;*
- *THADS TP B^{3/4}c Ninh;*
- *C, c Ŕng sũ.*
- *Lu hũ sũ.*

TM. Hũ Ŕng xĐt xũ
Thũ ph, n - Chũ to¹ phi^an toũ

